

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 134/2022/HNGĐ-ST

Ngày 29-7-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt

Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 165/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Tuấn A, nơi cư trú: Tổ 2, khu V, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị L; nơi ĐKKHKT: Khu 10 H, phường ĐH, quận HA, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: K M S Nishi hachi Chome, Nhật Bản.

Các đương sự đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn, bản tự khai của nguyên đơn – anh Nguyễn Tuấn A và đơn ly hôn của bị đơn – chị Trần Thị L (đã được hợp pháp hóa lãnh sự) thống nhất trình bày:

Anh Nguyễn Tuấn A kết hôn với chị Trần Thị L trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Mạo Khê (nay là phường Mạo Khê), huyện Đông Triều (nay thị xã Đông Triều), tỉnh Quảng Ninh vào ngày 24/12/2008. Quá trình chung sống của vợ chồng hạnh phúc được mấy năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung trong gia đình. Sau đó, chị L đã đi sang Nhật Bản

lao động, từ đó vợ chồng ít liên lạc với nhau, tình cảm không còn yêu thương nhau như trước. Mỗi khi vợ chồng điện thoại cho nhau là xảy ra bất đồng, không có quan điểm và tiếng nói chung. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải song không đạt kết quả. Qua thời gian xa nhau anh chị đều nhận thấy tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn, không có nguyện vọng hàn gắn, chung sống cùng nhau nữa, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ nên anh chị đề nghị Tòa án cho anh chị được ly hôn sớm càng tốt để anh chị định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có hai chung là Nguyễn Phú Thiên, sinh ngày 17/5/2012 và Nguyễn Thị Diệu Hương, sinh ngày 16/10/2015. Hiện nay, các con chung đang ở với anh Tuấn Anh. Ly hôn, anh chị thỏa thuận thống nhất: Anh Tuấn Anh nuôi dưỡng cả hai con chung, việc cấp dưỡng nuôi con chung anh chị xin tự giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Tuấn Anh và chị L không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Tuấn A và chị Trần Thị L đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, anh chị giữ nguyên yêu cầu như trong đơn khởi kiện, bản tự khai và không có sự thay đổi nội dung nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp về việc ly hôn, tranh chấp về việc nuôi con khi ly hôn. Bị đơn chị Trần Thị L có hộ khẩu thường trú tại thành phố Hải Phòng, nhưng hiện tại đang sinh sống tại nước ngoài (Nhật Bản), nguyên đơn anh Nguyễn Tuấn A hiện nay đang sinh sống ở tỉnh Quảng Ninh. Anh Nguyễn Tuấn A đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng có thẩm quyền giải quyết vụ án ly hôn giữa anh và chị Trần Thị L. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đều vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: Anh Nguyễn Tuấn A và chị Trần Thị L xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Mạo Khê (nay là phường Mạo Khê), huyện Đông Triều (nay thị xã Đông Triều), tỉnh Quảng Ninh vào ngày 24/12/2008, theo quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống của vợ chồng thể hiện: Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được mấy năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn,

do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Đặc biệt từ thời điểm chị L đi lao động ở nước ngoài, do sự xa cách về địa lý nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Anh Nguyễn Tuấn A và chị Trần Thị L đều thống nhất thỏa thuận ly hôn. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Nguyễn Tuấn A và chị Trần Thị L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể tiếp tục, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị ly hôn của anh Nguyễn Tuấn A.

[4] Về con chung: Anh Nguyễn Tuấn A và chị Trần Thị L xác nhận có hai con chung là Nguyễn Phú Thiên, sinh ngày 17/5/2012 và Nguyễn Thị Diệu Hương, sinh ngày 16/10/2015. Xét thấy, anh Nguyễn Tuấn A và chị Trần Thị L đều có nguyện vọng để cho con chung ở với anh Nguyễn Tuấn A. Mặt khác các con chung đều có nguyện vọng ở với anh Nguyễn Tuấn A nên yêu cầu này của anh Nguyễn Tuấn A và chị Trần Thị L là phù hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Để đảm bảo quyền lợi cho con chung, do đó cần giao con chung cho anh Nguyễn Tuấn A nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Tuấn A và chị Trần Thị L xin tự giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Tuấn A và chị Trần Thị L đều xác nhận không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Tuấn A là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tuấn A:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tuấn A được ly hôn chị Trần Thị L.

2. Về con chung: Giao các con chung tên là Nguyễn Phú Thiên, sinh ngày 17/5/2012 và Nguyễn Thị Diệu Hương, sinh ngày 16/10/2015 cho anh Nguyễn Tuấn A nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Tuấn A và chị

Trần Thị L xin tự giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở, người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Tuấn A và chị Trần Thị L không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Tuấn A phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai số 0000550 ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Nguyễn Tuấn A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Anh Nguyễn Tuấn A (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Chị Trần Thị L (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Ủy ban nhân dân phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Tuyến

